

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/NQ-HĐND

An Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 25 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 1308/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang là 51.518 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn ngân sách Trung ương là 46.834 triệu đồng.

b) Nguồn ngân sách địa phương là 4.684 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

a) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo là 46.494 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương là 42.267 triệu đồng, ngân sách địa phương là 4.227 triệu đồng.

b) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững là 5.024 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 4.567 triệu đồng, ngân sách địa phương là 457 triệu đồng.

(Kế hoạch vốn theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đối với các dự án do đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

2. Giao Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đối với các dự án do đơn vị cấp huyện làm chủ đầu tư.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 25 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục các dự án, hoạt động	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư (kể cả quyết định điều chỉnh nếu có)				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15/8/2022 và Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 31/5/2023 của HĐND tỉnh)			Lũy kế bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí đến hết kế hoạch năm 2024			Kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng vốn đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	Tổng vốn đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)	Tổng vốn đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)			
								Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương (đối ứng 10%)												
1	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17=18+19	18	19	20	21	
TỔNG SỐ								373.215	339.286	33.929	373.215	339.286	33.929	321.697	292.452	29.245	51.518	46.834	4.684		
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo						275.156	250.142	25.014	275.156	250.142	25.014	228.662	207.875	20.787	46.494	42.267	4.227			
1.1	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo		TT				187.202	170.184	17.018	187.202	170.184	17.018	156.094	141.904	14.190	31.108	28.280	2.828	UBND huyện Tri Tôn		
1.2	Tiểu Dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt		TT				87.954	79.958	7.996	87.954	79.958	7.996	72.568	65.971	6.597	15.386	13.987	1.399	UBND huyện Tri Tôn		

2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						98.059	89.144	8.915	98.059	89.144	8.915	93.035	84.577	8.458	5.024	4.567	457		
2.1	<i>Tiêu Dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>						81.550	74.136	7.414	81.550	74.136	7.414	81.550	74.136	7.414	-	-	-		
	- Dự án: Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	8014387	LX	Khởi thực hành nghiệp vụ khách sạn, lễ tân, nhà hàng, khu vực bếp (cải tạo từ Khối văn phòng + khối phòng tin học); Khối văn phòng khoa và phòng học chức năng (cải tạo từ Khối phòng máy khoa công nghệ thông tin); Khối thực hành nhà hàng - hội nghị, căn hộ resort (cải tạo từ Khối xưởng điện lạnh); Thiết bị	2022-2024	69/QĐ-UBND 18/01/2023; 385/QĐ-UBND 30/3/2023	36.579	33.254	3.325	36.579	33.254	3.325	36.579	33.254	3.325	0	0	0		Trường Cao đẳng nghề An Giang
	- Dự án: Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	8031730	LX	Mua sắm trang thiết bị cho phòng thực hành: Kỹ thuật điều dưỡng; Cấp cứu và chăm sóc tích cực; Chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh; Sản, nhi, kế hoạch hoá gia đình; Y học cổ truyền - phục hồi chức năng - dược; Ngoại ngữ; Giải phẫu; Y sinh; Thực vật - dược liệu - dược học cổ truyền.	2022-2024	62/QĐ-SKHĐT 30/5/2023	15.000	13.636	1.364	15.000	13.636	1.364	15.000	13.636	1.364	0	0	0		Trường Cao đẳng Y tế An Giang

	- Dự án: Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	8014868	TT	Cải tạo Khôi hồi trường; Cải tạo Khôi lớp học; Cải tạo Khôi xưởng thực hành; Cải tạo, mở rộng nhà xe học sinh (02); Cải tạo nhà xe giáo viên; Cải tạo sân bóng đá; Đầu tư mới thiết bị.	2022-2024	70/QĐ-UBND 18/01/2023; 386/QĐ-UBND 30/3/2023; 1066/QĐ-UBND 04/7/2023	29.971	27.246	2.725	29.971	27.246	2.725	29.971	27.246	2.725	0	0	0	Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh
2.2	Tiểu Dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững						16.509	15.008	1.501	16.509	15.008	1.501	11.485	10.441	1.044	5.024	4.567	457	
	Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	8015102	LX	Thiết bị phục vụ sàn giao dịch việc làm tại Trung tâm; Trang bị phòng họp trực tuyến tại trụ sở chính; Hệ thống gọi số xếp hàng tự động; Trang bị phòng họp trực tuyến tại 11 huyện; Phòng tư vấn giới thiệu việc làm; Sàn giao dịch di động; Đầu tư hệ thống thiết bị hạ tầng máy chủ; Xây dựng phần mềm quản lý nghiệp vụ Dịch vụ việc làm tỉnh An Giang; Xây dựng ứng dụng việc làm An Giang (app mobile); Xây dựng phần mềm phân tích dự báo thị trường lao động; Xây dựng phần mềm bản đồ nguồn nhân lực; Đào tạo chuyên gia công nghệ.	2023-2025	95/QĐ-SKHĐT 10/8/2023	16.509	15.008	1.501	16.509	15.008	1.501	11.485	10.441	1.044	5.024	4.567	457	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh An Giang thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội